

Số: 945/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 769/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung hộ gia đình*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1982 - Số CCCD: 001182013868 cấp ngày 18/11/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Hộ khẩu thường trú: **Thôn D, xã Đ, Hà Nội**

Nơi cư trú tại: **Số A Tòa nhà A, khu T mới, phường H, Hà Nội.**

**Bị đơn:**

- Ông **Ngô Văn H**, sinh năm 1945 - CCCD số 001045000779

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1949 (vợ ông **H**); Số CCCC: 001149004376

- Bà **Ngô Thị Bích P**, sinh năm 1977 (con ông **H**, bà **T**); số CCCC: 001177044055

- Ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1985 (con ông **H**, bà **T**); Số CCCC: 001085012350

Đều đăng ký HKTT và cư trú tại: **Thôn D, xã Đ, TP Hà Nội**

**II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Các đương sự thống nhất xác định quyền sử dụng thửa đất số 190, tờ bản đồ số 68, tại **thôn Đ, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (nay là thôn D, xã Đ, thành phố Hà Nội)**, được **Ủy ban nhân dân huyện Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **ĐO990636**; Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất GCN: CN-ĐA ngày 08/4/2024; cho hộ ông **Ngô Văn H**, là tài sản chung của hộ gia đình gồm các thành viên: ông **Ngô Văn H**, bà **Nguyễn Thị T**, bà **Ngô Thị L**, bà **Ngô Thị**

**Bích P** và ông **Ngô Văn T1**.

2. Các đương sự thống nhất chia quyền sử dụng thửa đất nêu trên thành 03 phần theo sơ đồ kỹ thuật đo đạc, phân chia kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm (1;2;9;8;7;1) được các đương sự thống nhất sử dụng làm lối đi chung của ba thửa đất; tất cả các bên đều có quyền sử dụng chung và có trách nhiệm bảo đảm việc đi lại, không được cản trở hoặc làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng hợp pháp của nhau.

3. Các đương sự thống nhất giao cho bà **Ngô Thị L** được quyền quản lý, sử dụng 84,7m<sup>2</sup> đất, được giới hạn bởi các điểm (7;8;5;6;7) theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo Biên bản này. Bà **Ngô Thị L** được quyền sở hữu các tài sản, công trình, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với phần diện tích đất được giao, trừ các tài sản mà các bên có thỏa thuận khác.

4. Các đương sự thống nhất giao cho ông **Ngô Văn T1** được quyền quản lý, sử dụng 84,7m<sup>2</sup> đất, được giới hạn bởi các điểm (8;9;4;5;8) theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo Biên bản này. Ông **Ngô Văn T1** được quyền sở hữu các tài sản, công trình, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với phần diện tích đất được giao, trừ các tài sản mà các bên có thỏa thuận khác.

5. Các đương sự thống nhất giao cho bà **Ngô Thị Bích P** được quyền quản lý, sử dụng 84,8m<sup>2</sup> đất, được giới hạn bởi các điểm (9;2;3;4;9) theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo Biên bản này. Bà **Ngô Thị Bích P** được quyền sở hữu các tài sản, công trình, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với phần diện tích đất được giao, trừ các tài sản mà các bên có thỏa thuận khác.

6. Đối với phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm (1;2;9;8;7;1) là lối đi chung, các đương sự thống nhất sử dụng chung theo hiện trạng; không bên nào được tự ý lấn chiếm, xây dựng công trình hoặc có hành vi cản trở quyền sử dụng hợp pháp của các chủ sử dụng đất còn lại.

7. Về tài sản trên đất: Thống nhất không yêu cầu giải quyết. Đối với các tài sản gắn liền với đất gồm căn nhà 02 tầng, sân bê tông, cây trồng và các tài sản khác mà các đương sự thống nhất không giữ lại, các đương sự tự nguyện tháo dỡ, di chuyển và không yêu cầu bất kỳ cá nhân nào bồi thường hoặc thanh toán giá trị tài sản; đồng thời cam kết không khiếu nại, tranh chấp về việc xử lý các tài sản này.

8. Ông **Ngô Văn H** và bà **Nguyễn Thị T** tự nguyện tặng cho toàn bộ kỷ phần quyền sử dụng đất thuộc quyền của mình cho ba người con là bà **Ngô Thị L**, bà **Ngô Thị Bích P** và ông **Ngô Văn T1**. Việc tặng cho được các bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa hoặc ép buộc; các bên không yêu cầu bất kỳ ai

thanh toán lại giá trị kỷ phần được tặng cho và cam kết không phát sinh tranh chấp liên quan đến việc tặng cho này.

9. Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự thống nhất xác định án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với bà **Ngô Thị L**, ông **Ngô Văn T1** và bà **Ngô Thị Bích P**, mỗi người phải chịu 57.376.000 đồng. Tuy nhiên, bà **Ngô Thị L** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án, nên bà **Ngô Thị L** phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 172.128.000 đồng; ông **Ngô Văn T1** và bà **Ngô Thị Bích P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự.

- Các đương sự không còn yêu cầu nào khác và đề nghị Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7- Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Triệu Thúy Hà**